

Số: 674 /QĐ-ĐHKTKTCN

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về việc đánh giá điểm học phần đối với
học chế mềm dẻo kết hợp niên chế với học phần

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

- Căn cứ quyết định số 989/QĐ-BCT ngày 08/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Căn cứ quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy (Sau gọi tắt là quy chế 25);

- Căn cứ quyết định số 36/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 28/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ vừa học vừa làm (Sau gọi tắt là quy chế 36);

- Căn cứ quyết định số 40/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 01/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy (Sau gọi tắt là quy chế 40);

- Theo đề nghị của Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa, Bộ môn trực thuộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc đánh giá điểm học phần đối với học chế mềm dẻo kết hợp niên chế với học phần theo các quy chế 25, quy chế 36 và quy chế 40.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho những quyết định trước đây về đánh giá điểm học phần đối với học chế mềm dẻo kết hợp niên chế với học phần.

Điều 3: Các Phòng, Khoa, Bộ môn, Trung tâm trong toàn trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu VP-ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Phạm Ngọc Anh

QUY ĐỊNH

Về việc đánh giá điểm học phần

(Ban hành kèm theo quyết định số /QĐ-ĐHKTKTCN

Ngày tháng năm 2010 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

1. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ ĐIỂM HỌC PHẦN

1.1. Quy định chung

1.1.1. Các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, thảo luận

- Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bằng trung bình cộng của 2 loại điểm:

- Điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy (gọi tắt là điểm quá trình). Trong đó điểm đánh giá bộ phận được quy định riêng đối với từng cấp học và loại hình đào tạo trong mục 1.2.
- Điểm thi kết thúc học phần.

- Các loại điểm đều được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) và được làm tròn theo nguyên tắc sau:

- Điểm đánh giá bộ phận, và điểm thi kết thúc học phần: Đào tạo với các đối tượng khác: được làm tròn đến phần nguyên.
- Điểm quá trình: được làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần:
 - Đào tạo trình độ đại học và cao đẳng: được làm tròn đến phần nguyên.
 - Đào tạo trung cấp chuyên nghiệp: được làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần phải được công bố công khai cho sinh viên trong đề cương chi tiết của học phần.

- Giảng viên giảng dạy trực tiếp ra đề, tổ chức thi, kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

1.1.2. Các học phần thực hành.

- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành.
- Trung bình cộng điểm của các bài thực hành trong học kỳ là điểm học phần loại này.

1.2. Quy định cụ thể về các loại điểm đánh giá bộ phận của các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, thảo luận

1.2.1. Đào tạo Đại học, Cao đẳng chính quy theo quy chế 25

- Điểm kiểm tra định kỳ (tính hệ số 2):
 - Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận.

- Số lần kiểm tra định kỳ:
 - Phân lý thuyết: có thời lượng 1-2 đvht: tổ chức 1 lần; có thời lượng 3-4 đvht: tổ chức 2 lần; có thời lượng 5-6 đvht: tổ chức 3 lần.
 - Phân thực hành môn học: Mỗi đvht có 1 điểm kiểm tra định kỳ.
- Điểm kiểm tra thường xuyên (tính hệ số 1):
 - Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.
 - Số lần kiểm tra thường xuyên: Được quy định với số lượng ít nhất bằng số lần kiểm tra định kỳ.
- Điểm chuyên cần (có hệ số bằng với số lần kiểm tra định kỳ).
 - Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp và mức độ hoàn thành những nhiệm vụ do giảng viên giao, cụ thể như sau:
Theo thời gian tham gia học tập trên lớp:
 - Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.
 - Nghỉ học dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.
 - Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 30% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.
 - Nghỉ học từ 30% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.
 - Nghỉ học từ 50% số tiết trong chương trình trở lên được tính: 0 điểm.*Theo mức độ hoàn thành những nhiệm vụ do giảng viên giao: Do giáo viên giảng dạy chủ động đánh giá, số điểm tối đa là 2 điểm.*
 - Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

1.2.2. Đào tạo Đại học, Cao đẳng hình thức vừa làm vừa học

- Điểm thi giữa học phần (được tính bằng 50% điểm quá trình): Được giảng viên giảng dạy tổ chức vào khoảng giữa học phần, sau khi đã kết thúc một phần chính khối lượng kiến thức (thời gian làm bài là 45 - 60 phút).

- Điểm đánh giá phần thực hành hoặc điểm tiểu luận: (được tính bằng 50% điểm quá trình): Nội dung, phương thức đánh giá bài kiểm tra, bài thực hành, bài tiểu luận phải được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết, được giáo viên hướng dẫn trong quá trình giảng dạy.

1.2.3. Đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp chính quy

- Điểm kiểm tra định kỳ (tính hệ số 2):
 - Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận.
 - Số lần kiểm tra định kỳ:
 - Phân lý thuyết: có thời lượng 1-2 đvht: tổ chức 1 lần; có thời lượng 3-4 đvht: tổ chức 2 lần; có thời lượng 5-6 đvht: tổ chức 3 lần.
 - Phân thực hành môn học: Mỗi đvht có 1 điểm kiểm tra định kỳ.
- Điểm kiểm tra thường xuyên (tính hệ số 1):

- Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của học sinh trong giờ học.
- Số lần kiểm tra thường xuyên: Được quy định với số lượng ít nhất bằng số lần kiểm tra định kỳ.

2. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, LƯU TRỮ

2.1. Các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành, thí nghiệm, thảo luận

- Các loại điểm đánh giá bộ phận do Khoa, Bộ môn kiểm tra, quản lý và được lưu giữ trong sổ lên lớp, sổ tay giáo viên, hồ sơ tài liệu của đơn vị.

- Toàn bộ các nội dung công việc: Báo cáo kết thúc học phần, báo cáo điểm quá trình, tổ chức thi, chấm thi, báo cáo điểm thi, điểm học phần, lưu trữ, thông báo kết quả, nhập điểm vào phần mềm quản lý đào tạo được thiết kế trên cùng một biểu được thực hiện theo quy trình như sau:

- *Báo cáo kết thúc học phần*: Sau khi kết thúc việc giảng dạy học phần, giảng viên nhận **Danh sách dự thi và Báo cáo điểm thi học phần lý thuyết** (có mẫu kèm theo) tại phòng Đào tạo để ghi điểm quá trình, ghi chú các trường hợp HSSV không được dự thi và lý do (nếu có). Sau khi ghi xong, phải có đầy đủ chữ ký của giảng viên giảng dạy, xác nhận của Khoa, Bộ môn.
- *Tổ chức thi*: Khoa, Bộ môn căn cứ vào báo cáo kết thúc học phần, tổ chức thi kết thúc học phần. Sau khi tổ chức thi phải có đầy đủ chữ ký của HSSV dự thi, giáo viên coi thi và các nội dung khác có liên quan.
- *Chấm thi, báo cáo điểm thi, điểm học phần*: Khoa, Bộ môn tổ chức chấm thi và ghi các kết quả đánh giá điểm thi vào báo cáo. Sau khi ghi xong, phải có đầy đủ chữ ký của giảng viên chấm thi, xác nhận của Khoa, Bộ môn.
- *Lưu trữ, thông báo kết quả*: Khoa, Bộ môn gửi bản gốc báo cáo về phòng Đào tạo, gửi các bản phô tô để lưu tại đơn vị và tổ chức việc báo điểm theo đúng quy chế.
- *Nhập điểm*: Phòng Đào tạo nhập điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần vào chương trình phần mềm quản lý đào tạo.

2.2. Các học phần thực tập

- *Báo cáo điểm học phần*: Sau khi kết thúc việc giảng dạy học phần, giảng viên nhận **Báo cáo điểm học phần thực tập** tại phòng Đào tạo để ghi điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần. Sau khi ghi xong, phải có đầy đủ chữ ký của giảng viên giảng dạy, xác nhận của Khoa, Bộ môn.

- *Lưu trữ, thông báo kết quả*: Khoa, Bộ môn gửi bản gốc báo cáo về phòng Đào tạo, gửi các bản phô tô để lưu tại đơn vị và tổ chức việc báo điểm theo đúng quy chế.

- *Nhập điểm*: Phòng Đào tạo nhập điểm học phần vào chương trình phần mềm quản lý đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

TS. Phạm Ngọc Anh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
PHÒNG ĐÀO TẠO

**DANH SÁCH DỰ THI VÀ BÁO CÁO
ĐIỂM THI HỌC PHẦN LÝ THUYẾT**

Học kỳ: Năm học:

Lớp: **KT49A1ND**

Lần thi: **01**

Học phần:

Ngày thi:

Số ĐVHT:

Phòng thi:

STT	Tên lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm quá trình	Điểm thi	Số tờ giấy thi	Ký tên	Ghi chú
1	KT49A1ND01	Nguyễn Thị Hoài An	18/03/1971	6.5				
2	KT49A1ND02	Trần Thị Vân Anh	23/04/1983	7.2				
3	KT49A1ND03	Trần Thị Bình	18/12/1987	3.4				Đình chỉ (nghỉ 20/60t)
4	KT49A1ND04	Nguyễn Thị Hồng Chát	10/12/1985	5.4				
5	KT49A1ND05	Nguyễn Huy Diệm	11/11/1981	6.1				
6	KT49A1ND06	Phạm Thị Dung	17/04/1986	3.2				Đình chỉ (nghỉ 25/60t)

BÁO CÁO KẾT THÚC HỌC PHẦN
Khoa (Tổ môn) xác nhận

Ngày / /

Giáo viên giảng dạy

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THI PHÒNG THI:

Tổng số: Số HSSV có mặt: Số HSSV vắng mặt: Số bài thi: Số tờ giấy thi:

Giáo viên coi thi số 1

Giáo viên coi thi số 2

BÁO CÁO ĐIỂM HỌC PHẦN

Giáo viên chấm thi số 1

Giáo viên chấm thi số 2

Ngày nộp bảng điểm :/...../.....
Thư ký giáo vụ

Ngày nộp bảng điểm :/...../.....
Khoa (Tổ môn) xác nhận

Ghi chú:

- Cột điểm quá trình: được làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Cột điểm thi: được làm tròn đến phần nguyên

Lớp: **KT17A1ND**

Học phần:

Số ĐVHT:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm tuần 1	Điểm tuần 2	Điểm tuần 3	Điểm tuần 4	Điểm tuần 5	Điểm HP	Ký tên	Ghi chú
1	0851070001	Nguyễn Thị An	18/03/1971								
2	0851070002	Trần Thị Vân Anh	23/04/1983								
3	0851070003	Trần Thị Bình	18/12/1987								
4	0851070004	Nguyễn Thị Chát	10/12/1985								
5	0851070005	Nguyễn Huy Diên	11/11/1981								
6	0851070006	Phạm Thị Dung	17/04/1986								

Ngày / /
Giáo viên giảng dạy

Ngày nộp bảng điểm :/...../.....
Thư ký giáo vụ

Ngày nộp bảng điểm :/...../.....
Khoa (Tổ môn) xác nhận

Ghi chú:

- Cột điểm đánh giá hàng tuần: được làm tròn đến phần nguyên.
- Cột điểm học phần:
 - Đào tạo trình độ đại học và cao đẳng: được làm tròn đến phần nguyên.
 - Đào tạo trung cấp chuyên nghiệp: được làm tròn đến một chữ số thập phân.